HOẠT ĐỘNG THƯƠNG MẠI CỦA NGƯỜI NHẬT Ở ĐÔNG NAM Á TỪ THỜI KỲ MINH TRỊ ĐẾN KẾT THÚC CHIẾN TRANH THẾ GIỚI THỨ NHẤT**

HUỲNH PHƯƠNG ANH*

Tóm tắt: *Sau khi chính phủ Minh Trị được thành lập vào năm 1868 và đặc biệt là sau thắng lợi của Nhật Bản trong cuộc chiến tranh Nga - Nhật (1904-1905), Nhật Bản đẩy mạnh hoạt động thương mại và đầu tư vào Đông Nam Á. Trong giai đoạn này, cùng với sự phát triển của mối quan hệ thương mại giữa Nhật Bản và các nước Đông Nam Á, các thương nhân và các công ty Nhật Bản cũng bắt đầu tiến vào Đông Nam Á. Bài viết tập trung phân tích các hoạt động thương mại của người Nhật ở khu vực Đông Nam Á từ thời kỳ Minh Trị (1868-1912) đến kết thúc Chiến tranh Thế giới thứ nhất (1914-1918), góp phần làm sáng tỏ sự đóng góp của các thương nhân và công ty Nhật Bản trong việc phát triển kinh tế của các nước Đông Nam Á cũng như đối với sự phát triển mối quan hệ thương mại giữa Nhật Bản và các nước ở khu vực này.*

Từ khóa: Nhật Bản, Đông Nam Á, Hoạt động thương mại

1. Quan hệ thương mại giữa Nhật Bản và các nước Đông Nam Á từ thời kỳ Minh Trị đến kết thúc Chiến tranh Thế giới thứ nhất

Từ cuối thế kỷ XIX phần lớn các nước Đông Nam Á (trừ Thái Lan) đều nằm dưới sự thống trị của chủ nghĩa thực dân phương Tây. Ngoài trừ Siam (tên gọi của Thái Lan cho đến năm 1939) là nước đầu tiên và duy nhất thiết lập ngoại giao chính thức với Nhật Bản vào năm 1887, quan hệ giữa Nhật Bản và các nước Đông Nam Á đều phải thông qua các nước mẫu quốc là Pháp, Anh, Hà Lan, Tây Ban Nha. Sau khi chính phủ Minh Trị được thành lập vào năm 1868, với phương châm "Phú quốc cường binh", bên cạnh việc tiến hành một chuỗi các cải cách tiến bộ trên tất cả các lĩnh vực, chính quyền mới còn đặc biệt quan tâm đến việc phát triển ngoại thương. Thắng lợi của Nhật Bản trong cuộc chiến tranh Nga - Nhật (1904 - 1905) không những giúp Nhật Bản tăng cường vị thế và sự ảnh hưởng của mình tại khu vực Đông Nam Á mà còn tạo cơ hội cho Nhật Bản đẩy mạnh chính sách "Nam Tiến" trên lĩnh vực thương mại đối với khu vực này.

Từ năm 1907, Nhật Bản đã bắt đầu đẩy mạnh hoạt động thương mại và đầu tư vào Đông Nam Á. Nhật Bản chủ yếu nhập từ Đông Nam Á các nguyên liệu cần thiết để phục vụ cho sự phát triển công nghiệp như

* TS., Trường Đại học Khoa học xã hội và nhân văn, Đại học Quốc gia TP. Hồ Chí Minh

** Nghiên cứu này được tài trợ bởi Trường Đại học Khoa học xã hội và nhân văn, Đại học Quốc gia TP. Hồ Chí Minh trong khuôn khổ Đề tài mã số C2019-18B08

như cao su, gai, gỗ, than đá, dầu thô, sắt, thép, cát silic và các sản phẩm nông nghiệp như gạo, dừa khô, đường, các loại hương liệu. Nhật Bản xuất sang Đông Nam Á các mặt hàng như bông vải, trân châu, lắp kính, đất sét, vải dệt kim, vải lụa..

Khi Chiến tranh Thế giới thứ nhất bùng nổ, lợi dụng các nước Châu Âu tham gia chiến tranh, Nhật Bản tăng cường xuất khẩu hàng hóa vào các nước Đông Nam Á. Nếu như trong giai đoạn trước chiến tranh, Nhật Bản là nước nhập siêu các loại hàng hóa từ các nước Đông Nam Á thì khi chiến tranh bùng nổ Nhật Bản lại biến thành nước xuất siêu. Kim ngạch thương mại giữa Nhật Bản và các nước Đông Nam Á tăng lên gấp nhiều lần, đặc biệt là xuất khẩu. Vào giữa cuộc Chiến tranh Thế giới thứ nhất, hàng hóa của Nhật Bản ồ ạt đổ vào Đông Nam Á, dần dần thay thế cho hàng hóa của các nước Châu Âu.

Bảng 1: Kim ngạch mậu dịch giữa Nhật Bản và các nước Đông Nam Á[1] năm 1914 -1918 (đơn vị: nghìn yên)

Năm	Xuất khẩu	Nhập khẩu	Tổng
1914	22.745	51.731	75.476
1915	30.264	35.472	65.736
1916	51.349	43.417	94.766
1917	87.111	59.367	146.478
1918	153.495	156.738	310.233

Nguồn: 矢野暢 (1978), "大正期「南進論」の特質", 東南アジア研究,京都大学, 16 (1) (Yano Toru, 1978,"Đặc trưng của học thuyết Nam tiến luận thời kỳ Taisho", Tạp chí nghiên cứu Đông Nam Á, Đại học Kyoto, số 16 (1)), tr. 9.

Trong kim ngạch thương mại song phương, kim ngạch xuất khẩu giữa Nhật Bản và các nước Đông Nam Á trong giai đoạn Chiến tranh Thế giới thứ nhất tăng một cách ấn tượng: Đông Ấn Hà Lan (Indonesia) tăng từ 5.148 nghìn yên lên 17.148 nghìn yên, Malaya thuộc Anh tăng từ 29.873 nghìn yên lên 71.617 nghìn yên, Philippines tăng từ 6.283 nghìn yên lên 11.490 nghìn yên, Siam tăng từ 1.025 nghìn yên lên 2.111 nghìn yên, Đông Dương thuộc Pháp tăng từ 1.055 nghìn yên lên 1.869 nghìn yên[2]. Trong các mặt hàng xuất khẩu của Nhật Bản sang Đông Nam Á trong giai đoạn này, bông vải là mặt hàng có sản lượng xuất khẩu tăng nhiều nhất.

Cùng với sự phát triển của mối quan hệ thương mại giữa Nhật Bản và các nước Đông Nam Á, các thương nhân và các công ty Nhật Bản cũng bắt đầu tiến vào Đông Nam Á, thực hiện những bước "Nam tiến" đầu tiên trên lĩnh vực thương mại đối với vùng đất đầy tiềm năng này.

[1] Bao gồm Malaya thuộc Anh, Đông Ấn Hà Lan (Indonesia), Đông Dương thuộc Pháp, Philippines và Siam.

[2] 日南公司南洋調査部, 南洋年鑑興信録 第二版 (Bộ phận điều tra Nam Dương công ty Nichinan, Niên giám thống kê Nam Dương, quyển 2).

2. Hoạt động thương mại của người Nhật ở Đông Nam Á từ cuối thế kỷ XIX đến kết thúc Chiến tranh Thế giới thứ nhất

Từ thời kỳ Minh Trị làn sóng di dân Nhật Bản bùng nổ trên phương diện rộng. Tính đến cuối thời kỳ Minh Trị vào năm 1906 Nhật Bản có 238.627[3] di dân ở nước ngoài trong đó tập trung đông nhất là ở Bắc Mĩ, tiếp đến là Trung Nam Mĩ và Đông Nam Á. Đối với khu vực Đông Nam Á, từ năm 1892 người Nhật đã bắt đầu di cư đến khu vực này. Tính cho đến năm 1906 đã có 8 đợt di dân từ Nhật Bản sang Đông Nam Á với tổng số 9.192 người.[4] Sau khi chiến tranh Nhật - Nga kết thúc, số người Nhật đến Đông Nam Á tăng lên nhanh chóng.

Bảng 3 : Số người Nhật ở Đông Nam Á

Nước	1909	1914	1919
Siam	184	281	282
Đông Dương thuộc Pháp	-	161	-
Malaya thuộc Anh	2.611	5.166	8.297
Đông Ấn Hà Lan	780	2.949	4.144
Philippines	2.156	5.298	9.798

*Nguồn:*山田毅一 (1934), *南洋大觀*, 平凡社 (Yamada Kiichi (1934), *Tổng quan về Nam Dương*, Nxb Heibonsha), tr. 351.

Những di dân người Nhật đến Đông Nam Á chủ yếu làm việc trong lĩnh vực thương mại và được chia làm hai loại: những người bán hàng rong, buôn bán nhỏ và những công ty chuyên về khai thác và xuất nhập khẩu thuộc các tập đoàn kinh tế lớn.

2.1. Hoạt động thương mại của những người bán hàng rong, buôn bán nhỏ

Những người bán hàng rong, buôn bán nhỏ vốn xuất thân từ những di dân Nhật đến Đông Nam Á để làm việc trong các công trình xây dựng lớn hay trong các đồn điền nông nghiệp. Sau khi kết thúc hợp đồng, một số người không quay về Nhật mà ở lại buôn bán ở vùng nông thôn của các nước Đông Nam Á và trở thành các tiểu thương, trong đó đông nhất là những người bán hàng rong với mặt hàng chủ yếu là các loại tạp phẩm như bánh, ống phi tiêu, ngọc trai, thuốc men... Họ đi khắp các làng xóm ở vùng nông thôn của các nước Đông Nam Á để bán. Đặc biệt đối với một số nước như Đông Ấn Hà Lan, Malaya thuộc Anh, những người bán hàng rong Nhật Bản đi bộ từ tộc người này sang tộc người khác để bán hàng. Để có thể giao tiếp với các tộc người, người Nhật phải thuê người bản xứ đi cùng. Một đợt đi bán rong như thế kéo dài tối thiểu là 2 đến 3 tháng và tối đa là 1 năm[5]. Trong khi những

[3] 外務省 (1971)「わが国民の海外発展（資料編」(Bộ Ngoại giao Nhật Bản (1971), *Phát triển hải ngoại của quốc dân ta*), tr. 138.

[4] 丹野勲 (2017), *戦前日本企業の東南アジアの,ルーシと戦略*,同文舘出版 (Tanno Isao (2017), *Nguồn gốc và chiến lược của các công ty Nhật Bản ở Đông Nam Á trong giai đoạn trước Chiến tranh Thế giới thứ hai*, Nxb Dobunkan), tr. 12- 13.

[5] 丹野勲 Tanno Isao (2017), Tldd, tr. 132 – 133.

người phương Tây không thể tiếp xúc được với các làng xóm, tộc người ở các nước Đông Nam Á thì các tiểu thương Nhật lại được chào đón với thái độ thân thiện. Với chiến thắng vang dội trước đế quốc Nga hùng mạnh, Nhật Bản trở thành niềm tự hào của người dân Châu Á và trở thành tấm gương cho các nước Châu Á, trong đó có các nước Đông Nam Á, noi theo. Những mặt hàng mà những người bán hàng rong Nhật mang đến tượng trưng cho những hàng hóa có chất lượng tốt nhất, hiện đại nhất, văn minh nhất. Mặt hàng mà những người bán hàng rong Nhật bán nhiều nhất là các loại thuốc chữa bệnh như thuốc đau đầu, thuốc dạ dày, thuốc bổ... với giá cao gấp nhiều lần với giá được bán tại Nhật Bản. Sau nhiều năm bán rong, những người này tích góp tiền và mở ra các cửa hàng bán tạp hóa nhỏ. Từ đó xuất hiện chuỗi các cửa hàng tạp hóa của Nhật Bản ở các địa phương Đông Nam Á. Một trong những tập đoàn doanh nghiệp nổi tiếng ngày nay có lịch sử phát triển lâu đời với xuất phát điểm là những người bán rong thuốc ở Đông Nam Á là Tập đoàn dược phẩm, thực phẩm chức năng và mỹ phẩm Morishita Jintan. Khi Chiến tranh Thế giới thứ nhất diễn ra, hoạt động thương mại của người Nhật ở Đông Nam Á có điều kiện phát triển thuận lợi, những người bán hàng rong trước đây trở thành các thương nhân lớn và ngày càng gia tăng về số lượng. Ở Philippines, số thương nhân Nhật Bản vào năm 1897 chỉ có 7 người, đến năm 1906 tăng lên 106 người[6]. Ở Malaya thuộc Anh, số thương nhân Nhật Bản tăng từ là 411 người vào năm 1910 lên đến 1.097 người vào năm 1918[7]. Ở Đông Ấn Hà Lan, số lượng thương nhân Nhật Bản chiếm tỷ lệ khá cao và phân bố rộng khắp các địa phương.

Bảng 4: Số lượng thương nhân Nhật ở các địa phương Đông Ấn Hà Lan 1913-1918

	1913	1914	1915	1916	1917	1918
Batavia	35	26	35	31	58	54
Semarang	68	65	82	88	58	87
Surabaya	48	49	54	74	111	109
Phần còn lại thuộc đảo Java	-	78	79	109	107	274
Toàn đảo Java	-	218	250	302	334	524

Nguồn: Yoshitada Murayama (2018), "The pattern of Japanese economic penetrations of the prewar Netherlands East Indies", The Japanese in Colonial Southeast Asia, Cornell University Press, tr. 102.

Các thương nhân Nhật Bản mở rộng các hoạt động kinh doanh với nhiều hình thức như bán tạp hóa, kinh doanh khách sạn, nhà hàng, câu lạc bộ, mở tiệm làm tóc, bán quần áo, bán thuốc... Vào năm 1915 số lượng tiểu

[6] Hiroshi Hashiya (2018), "The pattern of Japanese economic penetrations of the prewar Philippines", *The Japanese in Colonial Southeast Asia*, Cornell University Press, tr. 117.

[7] Hajime Shimizu (2018), "The pattern of Japanese economic penetration of prewar Singapore and Malaya",

thương Nhật Bản ở Đông Nam Á là 3.374 người, đến năm 1918 tăng lên 4.639 người[8]. Cũng trong năm này, "Hiệp hội Nam Dương" (南洋協会) được thành lập với mục đích xúc tiến việc nghiên cứu và điều tra về khu vực Đông Nam Á như vị trí địa lý, dân số, dân tộc, kinh tế, xã hội, giáo dục, tài nguyên thiên nhiên, giao thông... góp phần cung cấp những thông tin cần thiết cho các thương nhân Nhật Bản.

2.2. Hoạt động thương mại của các công ty khai thác và xuất nhập khẩu

Sau sự thành công của công cuộc duy tân Minh Trị, nền kinh tế Nhật Bản phát triển nhanh chóng. Cùng với sự phát triển của kinh tế thì có sự xuất hiện của các tập đoàn kinh tế lớn ở Nhật Bản. Các doanh nghiệp này đảm nhận vai trò quan trọng đối với sự phát triển kinh tế của Nhật Bản, thúc đẩy việc nhập khẩu nguyên liệu và tài nguyên để phát triển công nghiệp phục vụ cho chính sách công nghiệp hóa của Chính phủ Nhật Bản, đồng thời xuất khẩu các sản phẩm công nghiệp ra nước ngoài. Các công ty này hoạt động trên nhiều lĩnh vực thông qua việc mở rộng các chi nhánh ở nước ngoài. Từ những năm đầu thế kỷ XX, các tập đoàn kinh tế và các công ty của Nhật Bản đã tiến hành khảo sát điều tra tại các địa phương ở các nước Đông Nam Á.

Trong những năm 1905-1907 các tập đoàn kinh tế lớn của Nhật như Azukawa (愛久澤), Mitsui (三井), Mitsubishi (三菱), Furukawa (古河),... đã bắt đầu đầu tư và xây dựng nhiều đồn điền trồng trọt để kinh doanh ở các nước Đông Nam Á hải đảo như Malaya thuộc Anh, Đông Ấn Hà Lan và Philippines, trong đó tập trung nhiều nhất là cao su, cây gai và dừa. Những đồn điền nổi tiếng về quy mô trồng trọt, số lượng nhân công cũng như sản lượng sản phẩm đều do các tập đoàn kinh tế Nhật Bản trực tiếp đầu tư như đồn điền trồng gai Manila với trung tâm là Dabao của Philippines, các đồn điền cao su ở Malaya thuộc Anh.

Đối với cây cao su thì từ cuối thời kỳ Minh Trị, các doanh nghiệp Nhật Bản đã bắt đầu tiến vào các nước Đông Nam Á để xây dựng các đồn điền trồng cao su. Đến đầu thế kỷ XX, do giá trị của cao su trên thị trường thế giới tăng lên đột ngột nên các doanh nghiệp Nhật Bản ồ ạt đầu tư vào loại cây này dẫn đến sự ra đời của nhiều đồn điền cao su lớn của người Nhật ở Malaya thuộc Anh như các đồn điền cao su của gia tộc Akuzawa (愛久澤) được thành lập từ năm 1906 đến 1911, đồn điền cao su của gia tộc Morimura (森村) được thành lập năm 1909, đồn điền cao su của gia tộc Furukawa (古河) và Suzuki (鈴木) được thành lập năm 1910, đồn điền cao su của gia tộc Fujita (藤田) và Mitsui (三井) được thành lập vào năm 1911, đồn điền cao su của gia tộc Inoue (井上) được thành lập vào năm 1913[9]. Các đồn điền cao su ngày càng gia tăng về số lượng và được phân bố khắp các địa phương của Malaya thuộc Anh.

The Japanese in Colonial Southeast Asia, Cornell University Press, tr. 67.

[8] 丹野勲 Tanno Isao (2017), Tlđd, tr. 136.

[9] 矢野暢 Yano Toru (1978), Tlđd, tr.9; 丹野勲 Tanno Isao (2017), Tlđd, tr. 156.

Bảng 5: Số lượng đồn điền cao su của người Nhật ở Malaya thuộc Anh (1911 và 1917)

	1911	1917
Johor	47	60
Selangor	23	32
Negeri Sembilan	15	39
Perak	12	39
Pahang	5	28
Penang và Kedah	5	16
Những vùng khác	5	7
Tổng cộng	106	221

*Nguồn:*原不二夫 (1986),*英領マラヤの日本人*, 東京：アジア経済研究所 (Hara Fujio, (1986), *Người Nhật ở Malaya thuộc Anh*, Viện Nghiên cứu Kinh tế Châu Á, Tokyo), tr. 222.

Bảng 6: Các công ty Nhật Bản hoạt động trên lĩnh vực khai thác cao su ở các nước Đông Nam Á hải đảo trước năm 1918

Tên công ty Nhật Bản	Thời gian thành lập	Tổng số vốn (yên)
Công ty cổ phần cao su Nam Dương (南洋護謨株式会社)	1911	2.000.000
Công ty cổ phần Nam Á (株式会社南亜公司)	1911	2.500.000
Công ty cao su Okura (大倉護謨公司)	1911	100.000
Công ty cổ phần cao su Asahi (朝日護謨株式会社)	1913	700.000
Công ty cổ phần cao su Nissin (日新護謨株式会社)	1913	300.000
Công ty cổ phần khai thác Nam Dương (南洋護謨拓殖株式会社)	1915	2.000.000
Công ty cổ phần khai thác Đài Loan (台湾拓殖株式会社)	1915	1.000.000
Công ty cao su Mã Lai (馬来護謨公司)	1915	1.000.000
Công ty cổ phần cao su Borneo (ボルネオ護謨株式会社)	1916	5.000.000
Công ty cổ phần khai thác cao su Johor (ジョホール護謨栽培株式会社)	1917	2.000.000
Công ty cổ phần khai thác cao su Sumantra (スマトラ護謨拓殖式会社)	1917	2.000.000
Công ty cổ phần phát triển Sumantra (スマトラ興業式会社)	1917	5.000.000

Nguồn:加藤至徳 (1919), 護謨栽培事業, 南洋協会 (Kato Shitoku (1919), Kinh doanh cao su, Hiệp hội Nam Dương), tr. 127-128.

Bên cạnh các đồn điền cao su trực thuộc các gia tộc tài phiệt, có nhiều đồn điền cao su do các công ty khai thác cao su Nhật Bản quản lý. Các đồn điền cao su này nằm liền kề nhau tạo thành một cụm trồng và khai thác cao su chuyên biệt.

Nếu như ở các nước Đông Nam Á hải đảo, các công ty Nhật chủ yếu tập trung vào lĩnh vực khai thác cao su thì ở các nước Đông Nam Á lục địa các công ty Nhật Bản chủ yếu hoạt động trên lĩnh vực xuất nhập khẩu gạo. Đối với các nước Đông Dương, từ năm 1907 công ty Mitsui (三井) đã cử nhân viên đến Sài Gòn để mua bán gạo. Mitsui đã lập nên văn phòng đại diện tại Sài Gòn dưới sự quản lý của chi nhánh Mitsui tại Hong Kong và cử nhân viên từ Nhật Bản sang để giám sát việc mua bán gạo. Sau Mitsui thì các công ty như Mitsubishi (三菱), Toyo Menka (東洋綿花), Suzuki (鈴木) cũng tiến vào Đông Dương để kinh doanh gạo. Các công ty này đã lập chi nhánh tại Sài Gòn và Hải Phòng để thu mua gạo Sài Gòn và gạo Tonkin (nghĩa hẹp chỉ Hà Nội, còn nghĩa rộng chỉ miền Bắc Việt Nam). Các công ty Nhật Bản mua bán gạo ở Đông Dương thông qua hai hình thức: thông qua công ty Pháp và thông qua người Hoa. Các công ty Nhật mua gạo thông qua các đại lý bán gạo sỉ ở Đông Dương thuộc quyền quản lý của Pháp. Công ty Suzuki là công ty đại diện cho hình thức kinh doanh này. Đối với công ty Mitsui thì họ thu mua gạo thông qua thương nhân người Hoa ở Đông Dương.

Để tạo điều kiện thuận lợi cho việc mua bán lúa gạo ở Đông Dương, các công ty Nhật Bản thường xuyên gửi nhân viên từ công ty mẹ ở Nhật Bản hay các chi nhánh lớn lâu đời như Singapore, Hongkong đến các chi nhánh ở Đông Dương như Sài Gòn, Hải Phòng để giám sát việc kinh doanh. Các nhân viên này được chia làm 3 loại: công tác luân chuyển, tạm trú ngắn hạn và tạm trú lâu dài. Tùy theo điều kiện kinh doanh mà công ty mẹ sẽ quyết định về số thời gian tạm trú của nhân viên. Các nhân viên tạm trú lâu dài thì được hưởng nhiều ưu đãi từ công ty. Do quá trình sống và làm việc lâu dài ở các địa phương nên họ trở thành những chuyên gia am hiểu sâu sắc về địa phương đó. Những kiến thức và kinh nghiệm của họ rất có ích cho các hoạt động của công ty. Trong ba nước Đông Dương, Việt Nam là nơi mà các công ty Nhật Bản cử nhân viên đến đông nhất. Từ năm 1907 công ty Mitsui đã cử nhân viên đến Việt Nam. Tính đến đợt cuối cùng vào năm 1941 công ty Mitsui đã cử 99 nhân viên tạm trú ngắn hạn, 24 nhân viên công tác luân chuyển đến Sài Gòn; 13 nhân viên tạm trú ngắn hạn và 29 nhân viên tạm trú dài hạn đến Hải Phòng[10]

Bên cạnh lĩnh vực thu mua lúa gạo, các công ty Nhật Bản ở Đông Dương còn tập trung hoạt động trên lĩnh vực khai thác và xuất nhập khẩu than đá. Từ năm 1899 các công ty của Nhật Bản mà điển hình là công ty Mitsui đã cử các đoàn điều tra đến Đông Dương để thăm dò về sản lượng than đốt không khói. Trong thời kỳ này than đốt không khói Đông Dương trở thành nguồn

[10] 湯山英子 (2013), 仏領インドシナにおける日本商の活動, 1910 年代から 1940 年代はじめの三井産物と三菱商事の人員配置から考察 (Yuyama Eiko (2013), Hoạt động của các công ty Nhật Bản ở Indochina - Khảo sát từ việc cử nhân viên đến Indochina của công ty Mitsui và Mitsubishi từ năm những1910 đến đầu những năm 1940), tr. 118.

cung cấp chủ yếu cho công ty than Nagazaki của Nhật Bản và phục vụ cho nhu cầu của các nhà máy dệt ở khu vực Kansai. Than Đông Dương cũng được sử dụng phổ biến trong sinh hoạt gia đình ở Nhật Bản. Phần lớn số lượng than đá mà Nhật Bản nhập khẩu từ Đông Dương đều thông qua các công ty xuất nhập khẩu của Nhật Bản đang hoạt động tại Đông Dương.

Bảng 7: Sản lượng xuất khẩu của than Hòn Gai từ năm 1910 đến năm 1919 (đơn vị: 1000 tấn)

Năm	Sản lượng than Hòn Gai xuất khẩu	Số lượng xuất sang Nhật Bản
1910	337.000	7.590
1911	316.578	6.350
1912	347.641	3.129
1913	428.615	20.283
1914	528.651	51.590
1915	629.358	86.121
1916	659.712	176.984
1917	603.523	122.619
1918	506.307	93.260

Nguồn: 三井物産株式社石炭部 (1931), *佛領印支那無煙炭課税問題ニ関スル参考資料 (Phòng kinh doanh than đá công ty cổ phần Mitsui Bussan (1931), Tài liệu tham khảo về vấn đề thuế đối với mặt hàng than không khói ở Indochina).*

Cùng với gạo và than đá thì cát silic cũng là mặt hàng được các công ty Nhật đầu tư và khai thác. Cát silic được khai thác nhiều ở miền Bắc và Nam Trung Bộ của Việt Nam, được đánh giá cao về chất lượng và chiếm sản lượng cao trong tỷ lệ nhập khẩu của Nhật từ Đông Dương. Công ty Mitsubishi là công ty được độc quyền khai thác cát silic ở Đông Dương và đảm trách chính việc nhập khẩu loại cát này vào Nhật Bản.

Đối với Siam, từ những năm đầu thế kỷ XX, các công ty Nhật Bản đã cử người đến thu mua các hàng hóa như gạo, diêm, vàng, than đá và đã lần lượt mở các văn phòng đại diện ở đây. Công ty Mitsui, một trong những tập đoàn tài phiệt lớn nhất Nhật Bản đã thành lập văn phòng đại diện của mình ở Bangkok vào năm 1906. Từ năm 1906 đến năm 1918, công ty Mitsui đã cử 26 nhân viên từ công ty mẹ ở Nhật Bản đến Bangkok để phát triển hoạt động thương mại.[11] Trải qua quá trình phát triển lâu dài, văn phòng đại diện này đã trở thành một chi nhánh kinh doanh độc lập đại diện cho công ty Mitsui tại

[11] 川辺純子 (2010), "戦前タイにおける日本商社の活動 - 三井物三バンコク支店の事例", *城西大学経営紀要*, 第 4 号 (Kawabe Sumiko, 2010, Hoạt động của các công ty thương mại Nhật Bản tại Thái Lan trước chiến tranh - Trường hợp chi nhánh Băng Cốc của công ty Mitsui, Kỷ yếu kinh tế Trường Đại học Josai, Nhật Bản, số 4), tr.6.

Thái Lan. Ngoài công ty Mitsui, có nhiều công ty Nhật Bản hoạt động tại Bangkok như 南洋商行 (Nanyo Shoko), 江畑洋行 (Ebata Yoko), 日高洋行 (Hidaka Yoko), 豊昌洋行 (Toyomasa Yoko), 伊藤洋行 (Ito Yoko), 溝上洋行 (Mizokami Yoko), 大容洋行 (Okatachi Yoko), 山口洋行 (Yamaguchi Yoko), 日草公司 (Hikusa Koshi). Các công ty này sau đó đã thành lập một hiệp hội thương mại Nhật Bản tại Bangkok có tên là "Thực nghiệp hiệp hòa hội" (実業和会).

Bên cạnh Đông Dương, Siam, người Nhật còn mở rộng hoạt động thương mại đến Burma, một vùng đất thuộc quyền cai trị của thực dân Anh ở Đông Nam Á. Vào năm 1886 có khoảng 69 người Nhật sống tại Burma. Đến năm 1901 con số này tăng lên 108 người[12] và phần lớn là buôn bán nhỏ. Trong thời kỳ này có nhiều quán ăn, phòng khám nha khoa, tiệm chụp ảnh của người Nhật được mở ở Rangoon. Từ đầu thế kỷ XX các công ty Nhật Bản cũng bắt đầu tiến vào Burma như công ty Mitsui, Nippon Menka (日本綿花), ngân hàng Yokohama... Các công ty này lập ra nhiều cơ sở kinh doanh ở thủ đô Rangoon và các địa phương khác, chủ yếu hoạt động trên lĩnh vực xuất nhập khẩu với hai mặt hàng chủ yếu là gạo và đường, kế đến là bông sợi, các loại đậu, thực phẩm, thuốc men, đồ chơi, hàng tiêu dùng. Bên cạnh hoạt động trên lĩnh vực xuất nhập khẩu, một số công ty còn đầu tư vào nhiều lĩnh vực khác. Ví dụ như công ty Nippon Menka ngoài việc hoạt động trên lĩnh vực xuất nhập khẩu còn mở nhà máy sản xuất tinh bột, xay xát gạo, các nhà máy dệt.

Kết luận

Từ cuối thế kỷ XIX đầu thế kỷ XX, cùng với sự phát triển của mối quan hệ thương mại giữa Nhật Bản và các nước Đông Nam Á, các thương nhân và công ty Nhật Bản cũng đã tiến vào khu vực này. Những người bán hàng rong được xem là những thương nhân Nhật Bản đầu tiên ở Đông Nam Á. Với xuất phát điểm là những di dân sang Đông Nam Á lao động chân tay với mục đích kiếm tiền để gửi về quê hương, với tinh thần cần cù lao động và đầu óc kinh doanh nhạy bén, những người này đã đầu tư, buôn bán, mở rộng hoạt động thương mại và trở thành những thương nhân giàu có nơi đất khách quê người. Bên cạnh đó, các công ty Nhật cũng đã đầu tư vào các đồn điền trồng cao su, gai, dừa... ở các nước Đông Nam Á và mở rộng hoạt động xuất nhập khẩu ở khu vực này. Mặc dù khoảng thời gian từ cuối thế kỷ XIX đến kết thúc Chiến tranh Thế giới thứ nhất mới chỉ là giai đoạn khởi đầu, đặt tiền đề cho sự phát triển mạnh mẽ của các hoạt động thương mại của người Nhật trong giai đoạn sau (từ năm 1919 đến 1945) nhưng nó đã đánh dấu một bước ngoặc quan trọng: hoạt động thương mại của người Nhật đã bắt đầu mang tính quốc tế hóa. Thông qua các thương nhân và công ty Nhật Bản, các hàng hóa của Nhật Bản bắt đầu xuất hiện ở khắp nơi trong khu vực Đông Nam Á, kể cả vùng thành thị lẫn nông thôn. Người Nhật đã có những bước "Nam tiến" khởi đầu thành công trên lĩnh vực thương mại đối với một vùng đất vốn chịu sự chi phối lớn của các thương nhân Hoa kiều và phương Tây trong

[12] 古川利治 (1992), *近現代史の女か日本と東南アジア*, 東京書籍 (Yoshikawa Toshiharu, 1992, *Nhật Bản và Đông Nam Á thời cận đại*, Nxb Tokyo Shoseki), tr. 233.

một thời gian dài. Bên cạnh đó, hoạt động thương mại của người Nhật ở Đông Nam Á trong giai đoạn này cũng góp phần thúc đẩy sự phát triển kinh tế của các nước Đông Nam Á, đặc biệt là ngành nông nghiệp, khai thác khoáng sản, ngoại thương và quan trọng hơn nữa là thúc đẩy kim ngạch xuất nhập khẩu giữa Nhật Bản và các nước này.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Takashi Shiraishi (2018), *The Japanese in Colonial Southeast Asia*, Cornell University Press.

2. 安達宏昭 (2002), 戦前期日本とアジア一資料獲得の視点から一, 吉川弘分館 (Adachi Hiroaki, 2002, *Nhật Bản và Đông Nam Á trong giai đoạn trước chiến tranh - Nhìn từ quan điểm khai thác tài nguyên*, Nxb Yoshikawa Kobunkan).

3. 加藤至徳 (1919), 護謨栽培事業, 南洋協会 (Kato Shitoku (1919), *Kinh doanh cao su*, Hiệp hội Nam Dương).

4. 外務省 (1971), 「わが国民の海外発展（資料編」(Bộ Ngoại giao Nhật Bản (1971), *Phát triển hải ngoại của quốc dân ta*).

5. 川辺純子 (2010), "戦前タイにおける日本商社の活動 - 三井物三バンコク支店の事例"、*城西大学経営紀要*, 第 4 号 (Kawabe Sumiko (2010), Hoạt động của các công ty thương mại Nhật Bản tại Thái Lan trước chiến tranh - Trường hợp chi nhánh Băng Cốc của công ty Mitsui, *Kỷ yếu kinh tế Trường Đại học Josai*, Nhật Bản, số 4).

6. 原不二夫 (1986),*英領マラヤの日本人*, 東京・アジア経済研究所 (Hara Fujio (1986), *Người Nhật ở Malaya thuộc Anh*, Viện Nghiên cứu Kinh tế Châu Á, Tokyo).

7. 丹野勲 (2017),*戦前日本企業の東南アジアのルーシと戦略*,同文舘出版 (Tanno Isao (2017). *Nguồn gốc và chiến lược của các công ty Nhật Bản ở Đông Nam Á trong giai đoạn trước Chiến tranh Thế giới thứ hai*. Nxb Dobunkan).

8. 日南公司南洋調査部, 南洋年鑑輿信録, 第二版 (Bộ phận điều tra Nam Dương công ty Nichinan, *Niên giám thống kê Nam Dương*, quyển 2).

9. 三井物産株式社石炭部 (1931), *佛領印支那無煙炭課税問題二関スル参考資料* (Phòng kinh doanh than đá công ty cổ phần Mitsui Bussan (1931), *Tài liệu tham khảo về vấn đề thuế đối với mặt hàng than không khói ở Indochina*).

10. 矢野暢 (1978), "大正期「南進論」の特質", *東南アジア研究*, 京都大学, 16 (1) (Yano Toru (1978), "Đặc trưng của học thuyết Nam tiến luận thời kỳ Taisho", *Tạp chí nghiên cứu Đông Nam Á*, Đại học Kyoto, số 16 (1)).

11. 山田毅一 (1934), *南洋大観*, 平凡社 (Yamada Kiichi (1934), *Tổng quan về Nam Dương*, Nxb Heibonsha).

12. 湯山英子 (2013), "仏領インドシナにおける日本商の活動 – 1910 年代から 1940 年代はじめの三井物産と三菱商事の人員配置から考察一", *経済学研究紀要* 62-3, 北海道大学 (Yuyama Eiko (2013), Hoạt động thương mại của Nhật Bản ở Đông Dương – Khảo sát từ việc điều phối nhân viên kinh doanh của công ty Mitsui và Mitsubishi từ những năm 1910 đến đầu những năm 1940, *Kỷ yếu Nghiên cứu kinh tế học* số 62-3, Đại học Hokkaido).

13. 古川利治 (1992), *近現代史のなか日本と東南アジア*, 東京書籍 (Yoshikawa Toshiharu, 1992, *Nhật Bản và Đông Nam Á thời cận đại*, Nxb Tokyo Shoseki).